

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Đức Quang

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Bích Đào

Bà Trần Thị Thu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Khánh Chi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 38/2022/HSPT ngày 07 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Văn T do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Hà Văn L đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2022/HS-ST ngày 27/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Hà Tĩnh.

**** Bị cáo kháng cáo:***

Họ và tên: Nguyễn Văn T, sinh ngày 09/8/1979; nơi sinh: Tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn 4, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Nguyên cán bộ địa chính TT X; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Lâm T (Đã mất) và bà Trần Thị D; Vợ Trần Thị N và 02 con lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2012; bị cáo là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, sinh hoạt tại Chi bộ 4, đảng bộ xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định 254-QĐ/HU ngày 30/11/2021 của Huyện ủy N, tỉnh Hà Tĩnh; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 20/5/2020 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan kháng cáo:*** Anh Hà Văn L, sinh năm 1970; Nơi cư trú: TDP 7, TT X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.

**** Bị cáo kháng cáo và đã rút kháng cáo:***

Bùi Duy C; Sinh ngày: 07/7/1951; Nơi sinh: tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: TDP 7, TT X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: hưu trí. Vắng mặt.

** Các bị cáo không kháng cáo:*

1. Họ và tên: Lê Văn M; Sinh ngày 15/01/1968; Nơi sinh: tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: TDP 11, TT X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Nguyên chủ tịch UBND TT X. Vắng mặt.

2. Họ và tên: Hoàng Văn Đ; Sinh ngày 10/3/1981; Nơi sinh: tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: TDP 9, TT X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Nguyên phó chủ tịch UBND TT X. Có mặt.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Vĩ H – Phó Trưởng phòng tài nguyên và môi trường huyện N Xuân. Có mặt.

2. Phòng Tài nguyên và môi trường huyện N. Người đại diện: Ông Lê Vĩ H – Phó Trưởng phòng tài nguyên và môi trường huyện Nghi X. Có mặt.

3. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng dự án Khu đô thị mới X, thị trấn X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Vĩ H - Phó ban thường trực Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng dự án Khu đô thị mới X, thị trấn X, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.

4. Ủy ban nhân dân thị trấn X, huyện N tỉnh Hà Tĩnh. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Duy T - Phó Chủ tịch. Có mặt.

5. Ông Phạm Tiến H, sinh năm 1962. Nơi cư trú: TDP 4, TT T, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.

6. Ông Hoàng Tiến A, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Thôn T, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

7. Ông Lê Thanh N, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Xóm H, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

8. Ông Nguyễn Hải Đ, sinh năm 1955. Nơi cư trú: TDP 7, TT X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

9. Ông Đoàn Xuân H, sinh năm 1947. Nơi cư trú: Tổ dân phố 7, thị trấn X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

10. Ông Trần Xuân Đ, sinh năm 1955. Nơi cư trú: Tổ dân phố 7, thị trấn X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

Trong vụ án này còn có những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác nhưng không kháng cáo, không liên quan đến nội dung kháng cáo nên toà án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 17/7/2014, UBND T T X xây dựng Kế hoạch số 22/KH-UBND về việc đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính để phục vụ cho cấp GCNQSD đất và cấp đổi lại GCNQSD đất tại thị trấn X. Ngày 29/7/2014 UBND TT X có Quyết định số 109/QĐ-UBND về việc Thành lập Hội đồng tư vấn đo vẽ bản đồ, lập hồ sơ địa chính, cấp GCNQSD đất thị trấn X (sau đây gọi tắt là HĐTV). HĐTV có 23 người, trong đó có: Ông Phan Duy V - phó chủ tịch UBND, chủ tịch hội đồng; Nguyễn Văn T - cán bộ địa chính, thành viên; Hoàng Văn Đ - phó chủ tịch UBND, thành viên; ông Lê Trọng H- ủy viên UBND, thành viên; ông Bùi Duy T, ủy viên UBND, thành viên; bà Lê Thị Thanh N - công chức văn phòng, thành viên; ông Trần Mạnh T- công chức tài chính kế toán, thành viên; bà Nguyễn Ái T - công chức tư pháp, thành viên; ông Hồ Khắc D - chủ tịch hội nông dân, thành viên; bà Phạm Khánh V - thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thành viên; ông Bùi Duy C - tổ trưởng tổ dân phố 7, thành viên và 11 tổ trưởng tổ dân phố trong thị trấn. Quyết định này quy định HĐTV có trách nhiệm “triển khai thực hiện Kế hoạch, tham mưu, xem xét, xử lý các vấn đề liên quan đến việc đo vẽ bản đồ, lập hồ sơ địa chính, cấp GCNQSD đất trên địa bàn thị trấn Xuân An”.

Ngày 04/8/2014, HĐTV có Quyết định số 01/QĐ/HĐ về việc thành lập tiểu ban giúp việc đo đạc bản đồ địa chính phục vụ cho việc cấp GCNQSD đất tại TDP7 (gọi là tiểu ban TDP 7) gồm 11 thành viên: Bùi Duy C - Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng tiểu ban; ông Nguyễn Hải Đ - Bí thư chi bộ, Phó tiểu ban; ông Đinh Văn Q - Chi hội người cao tuổi, ban viên; ông Đoàn Xuân H- chi hội cựu chiến binh, ban viên; bà Trần Thị T- chi hội phụ nữ, ban viên; bà Trương Thị H - hội nông dân, ban viên; ông Trần Hữu C - thanh tra nhân dân, ban viên; ông Phan Duy T- bí thư đoàn, ban viên; ông Trần Xuân Đ - thôn đội trưởng, ban viên; ông Bùi Duy N - cụm trưởng cụm dân cư 3, ban viên; ông Trương Văn L - cụm trưởng cụm dân cư 4, ban viên. Quyết định này quy định :“Tiểu ban có trách nhiệm cùng với đơn vị tư vấn hướng dẫn nhân dân xác định vị trí mốc giới, ranh giới thửa đất và cung cấp các thông tin chủ sử dụng đất, giải quyết các vướng mắc trong quá trình đo đạc, rà soát, xem xét các hộ gia đình đang sử dụng đất ở, đất nông nghiệp trên địa bàn tổ dân phố (chưa được cấp GCNQSD đất), phối hợp với ban địa chính thị trấn xây dựng hồ sơ tham mưu cho HĐTV thị xem xét cấp GCNQSD đất cho các hộ gia đình đủ điều kiện được cấp GCNQSD đất theo quy định”.

Ngày 02/7/2014, Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Tĩnh ký hợp đồng đặt hàng cùng Chi nhánh Tổng Công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam - Công ty TNHH một thành viên Xí nghiệp Tài nguyên và Môi trường 6 (gọi tắt là đơn vị tư vấn) có trụ sở tại tổ 3, phường T, TP T, Ninh Bình về việc đo vẽ bản đồ địa chính thị trấn N và thị trấn X huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Ngày 15/9/2015, Lê Văn M đại diện UBND thị trấn X ký hợp đồng cùng Chi nhánh Tổng Công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam - Công ty TNHH một thành viên Xí nghiệp Tài nguyên và Môi trường 6 về việc đăng ký, cấp đổi, cấp mới GCNQSD đất cho các hộ gia đình, cá nhân, lập hồ sơ địa chính thị trấn X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Trong

đó, hợp đồng quy định rõ đơn vị tư vấn phải thực hiện các nội dung: lập hồ sơ cấp GCNQSD đất sản xuất nông nghiệp và đất ở đối với những thửa đủ điều kiện được cấp theo quy định (cung cấp đơn xin cấp GCNQSD đất cho các hộ dân với đầy đủ thông tin về thửa đất, kiểm tra đối chiếu đơn xin cấp GCNQSD đất với hồ sơ địa chính và lập hồ sơ trường hợp đã được UBND xã xác nhận đề nghị cấp GCNQSD đất để trình UBND huyện N đề nghị cấp GCNQSD đất).

Sau khi ký hợp đồng, đơn vị tư vấn phối hợp với các tổ dân phố để đo đạc. Tại TDP7, Tiểu ban cử 4 người trực tiếp tham gia phối hợp với đơn vị tư vấn tiến hành để đo đạc lại diện tích đất nông nghiệp bao gồm Bùi Duy C, ông Nguyễn Hải Đ, ông Đoàn Xuân H và ông Trần Xuân Đ. Quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, Bùi Duy C biết có 9.333,3m² diện tích đất nông nghiệp (bao gồm các phần đất xeo, hố bom, đất gần nghĩa địa, đất xấu không canh tác được) mà trước đây khi thực hiện Đề án điều chỉnh, chia ruộng đất nông nghiệp năm 2002 - 2003 tại thị trấn Xuân An chưa giao được cho người dân TDP 7 canh tác ở tại các xứ đồng Đò Cạn, Con Rỏi, Tiểu Câu, Cửa Địa, Bệ Cao và diện tích 67.520,7 m² đất xứ đồng Đồng Khê. Bùi Duy C nảy sinh ý định chia số diện tích đất trên cho các hộ dân có đất sản xuất nông nghiệp tại TDP 7. Mục đích để người dân TDP 7 có thêm đất canh tác, đồng thời nếu sau này có dự án đầu tư, bồi thường giải phóng mặt bằng (gọi tắt là BT- GPMB) diện tích đất này thì thu hồi một phần tiền BT- GPMB của hộ dân được nhận đất chia thêm để xây dựng nhà văn hóa Tổ dân phố. Bùi Duy C đưa nội dung về việc chia thêm và mục đích chia diện tích đất chưa giao trên hội ý trong tiểu ban, Bùi Duy C nói với các thành viên tiểu ban là việc này đã xin ý kiến và được ông Phan Duy V, chủ tịch UBND thị trấn X đồng ý, do vậy các thành viên tiểu ban đồng ý.

Ngày 28/3/2015, Bùi Duy C phối hợp cùng ông Nguyễn Hải Đ, ông Đoàn Xuân H và ông Trần Xuân Đ lập xong danh sách thống kê thửa đất đăng ký cấp GCNQSD đất của từng hộ dân TDP7, trong đó đã chia diện tích đất chưa giao trước đây cho 103/126 hộ dân sản xuất nông nghiệp đang thường trú tại TDP 7 mỗi hộ được thêm 01 thửa đất trong 9.333,3m² theo nguyên tắc chia đều theo số nhân khẩu, số hộ làm nông nghiệp theo từng xứ đồng với diện tích khác nhau tùy vào xứ đồng; 23/126 hộ dân còn lại có đất nông nghiệp thuộc TDP 7 nhưng hiện đang thường trú ở tổ dân phố khác thì không được chia thêm. Đồng thời, Bùi Duy C chia diện tích 67.520,7 m² đất đồng Đồng Khê cho 126 hộ dân trên mỗi hộ được một thửa đất.

Ngày 11/4/2015, Bùi Duy C tổ chức họp các hộ dân TDP 7 để lấy ý kiến về việc giải quyết diện tích đất 9.333,3m² nói trên. Tại cuộc họp, Bùi Duy C nêu ra nội dung cách thức và mục đích việc chia diện tích đất như trên. Người dân TDP 7 đồng tình thống nhất với nội dung Bùi Duy C đưa ra. Tuy nhiên, Bùi Duy C không báo cáo nội dung cuộc họp với UBND TT X.

Sau đó, Bùi Duy C cung cấp danh sách đề nghị cấp GCNQSD đất cho đơn vị tư vấn hoàn thiện bản đồ hiện trạng phục vụ công tác đăng ký cấp giấy CNQSD đất. Ngày 18/8/2015, Sở TNMT phê duyệt bản đồ đo vẽ theo hiện trạng sử dụng đất phục vụ công tác đăng ký cấp GCNQSD đất tại địa bàn thị trấn X.

Ngày 11/9/2015, UBND TT Xuân A có Quyết định số 83/QĐ - UBND về việc Kiện toàn Hội đồng tư vấn đo vẽ bản đồ, lập hồ sơ địa chính, cấp GCNQSD đất thị trấn X thay thế Quyết định 109/QĐ-UBND trong đó Lê Văn M Chủ tịch UBND thị trấn thay thế ông Phan Duy V làm chủ tịch HĐTV, ông Hồ Khắc D không được phân công trong HĐTV.

Ngày 22/9/2015, UBND thị trấn X có văn bản hướng dẫn số 65/UBND gửi Tổ trưởng các tổ dân phố về việc xử lý các vướng mắc trong quá trình đo đạc, lập hồ sơ địa chính trong đó hướng dẫn cho các tiểu ban về đối tượng đất Nông nghiệp trong diện kê khai đề cấp GCNQSD đất là đất đã được giao theo chuyển đổi đất nông nghiệp năm 2001 (Nghị định 64/CP ngày 15/10/1993 của Chính phủ). Ngày 28/9/2015, Nguyễn Văn T đại diện UBND thị trấn làm việc với TDP 7 trong đó có Bùi Duy C để triển khai thực hiện nội dung hướng dẫn số 65 ngày 22/9/2015 của UBND thị trấn Xuân A.

Tuy đã được UBND thị trấn X triển khai, hướng dẫn diện đối tượng được cấp GCN đất nông nghiệp nhưng Bùi Duy Chân vẫn đưa diện tích 9.333,3m² đất xấu và diện tích 67.520,7 m² đất Đồng Khê mới được TDP7 chia cho các hộ dân có đất nông nghiệp để đề nghị cấp giấy CNQSD cùng diện tích đất đã chia năm 2002-2003 gửi HĐTV họp xét.

Ngày 09/10/2015, tổ kiểm tra của HĐTV gồm Hoàng Văn Đ – tổ trưởng, Nguyễn Văn T, ông Hồ Khắc D và ông Nguyễn Hải Đình (phó chủ tịch Hội Nông dân thị trấn) do Lê Văn M phân công đã đại diện HĐTV tiến hành kiểm tra, soát xét kết quả đo đạc của Tổ dân phố 7 trong một buổi. Tại buổi làm việc, Hoàng Văn Đ, Nguyễn Văn T phát hiện thấy diện tích đất nông nghiệp của các hộ dân trong danh sách có thêm đất tại xứ đồng Đồng Khê trong khi thời điểm chuyển đổi năm 2002-2003 xứ đồng này không giao cho người dân, ngoài ra phần diện tích còn lại của các hộ cũng tăng lên so với diện tích trong sổ chia đất năm 2002-2003 đang lưu tại TDP. Bùi Duy C giải thích nguyên nhân diện tích của các hộ dân tăng thêm so với diện tích đất thời điểm giao trước đây (năm 2002-2003) là do trước đây việc đo đạc, chia đất được thực hiện bằng tay, đến thời điểm hiện nay được đo lại bằng máy nên có sự sai lệch. Hoàng Văn Đ, Nguyễn Văn T tin tưởng vào lời giải thích của Bùi Duy C mà không kiểm tra, đối chiếu lại thực tế, không có ý kiến gì với Tiểu ban TDP7. Quá trình kiểm tra, tổ công tác không ghi chép lại số liệu hay lập biên bản ghi nhận kết quả kiểm tra nên không biết số liệu cụ thể tăng bao nhiêu. Sau khi kiểm tra xong, tổ kiểm tra cũng không báo cáo ngay kết quả cho HĐTV mà đến ngày HĐTV tiến hành họp xét hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ của TDP7 thì mới báo cáo.

Ngày 04/4/2016, HĐTV thị trấn X tổ chức họp xét cấp GCNQSD đất nông nghiệp tại TDP7. Tại cuộc họp xét có 11 người của HĐTV tham gia bao gồm Lê Văn M – chủ trì, Hoàng Văn Đ, Nguyễn Văn T, ông Ngô Đăng K, bà Trần Thị Th, bà Lê Thị Thanh N, ông Hồ Trung K, ông Hoàng Trung K, ông Bùi Duy T, bà Phạm Thị Khánh V và Bùi Duy C tham gia. Trong cuộc họp, Nguyễn Văn Th thay mặt tổ kiểm tra báo cáo kết quả kiểm tra tại TDP7 như sau: Diện tích tại xứ đồng Đồng Khê trước đây chưa giao cho người dân nhưng vẫn được đo đạc, đưa vào làm hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ, ngoài ra phần diện tích còn lại của các hộ cũng

tăng lên so với diện tích trong sổ chia đất năm 2002-2003 nhưng tăng đều, nguyên nhân có sự chênh lệch về diện tích do trước đây đo thủ công bằng dây, nay đo lại bằng máy. Lê Văn M cùng các thành viên của HĐTV đã tin tưởng theo báo cáo của Nguyễn Văn T, mặc dù biết diện tích đề nghị cấp giấy CNQSD đất của các hộ dân có tăng song chủ quan không yêu cầu làm rõ diện tích, vị trí tăng cụ thể như thế nào nên không phát hiện ra 9.333,3m² đất nông nghiệp trước đây chưa được giao nhưng HĐTV đã thống nhất đưa vào danh sách đề nghị cấp giấy CNQSD đất bao gồm cả 9.333,3m² đất nông nghiệp nói trên và niêm yết công khai danh sách tại UBND thị trấn X và hội trường TDP 7.

Nguyễn Văn T được HĐTV giao hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp GCNQSD đất cho các hộ dân TDP 7. Do số lượng hồ sơ nhiều, Nguyễn Văn T đã nhờ đơn vị tư vấn viết vào mục xác nhận của UBND thị trấn Xuân A trong đơn đề nghị cấp GCNQSD đất của các hộ dân. Tuy nhiên, tại mục “thời điểm sử dụng đất” do vội nên đơn vị tư vấn không viết vào. Do hồ sơ đề nghị cấp GCNQSD đất thực hiện hoàn thiện một lần đồng bộ nên phần ngày tháng trong mục xác nhận của UBND thị trấn vào đơn đề nghị cấp GCNQSD đất của người dân Nguyễn Văn T để trống, không ghi vào.

Sau khi đã hoàn thiện hồ sơ, ngày 20/4/2016 UBND TT X có tờ trình số 23/TTr-UBND về việc đề nghị cấp GCNQSD đất nông nghiệp cho các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất tại TDP 7 gửi UBND huyện N đề nghị cấp GCNQSD đất cho 126 hộ gia đình trên địa bàn TDP7 với tổng diện tích 190.641,2m² kèm theo danh sách và hồ sơ của từng hộ (trong đó có 103 hộ đã được chia thêm diện tích đất 9.333,3m² đất nông nghiệp trước đây chưa giao).

Nhận được tờ trình kèm theo hồ sơ đề nghị cấp GCNQSD đất từ UBND TT X, ông Lê Thanh N - cán bộ Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N phụ trách địa bàn thị trấn X, đã tiến hành rà soát, kiểm tra hồ sơ. Ông Lê Thanh N nhận thấy các hồ sơ đầy đủ tài liệu, biểu mẫu; các thông tin về người sử dụng đất, nguồn gốc sử dụng đất, sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đều đã được UBND TT X xác nhận đúng, thông tin đăng ký cấp GCNQSD đất phù hợp với bản đồ hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp thị trấn X được Sở tài nguyên môi trường tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt vào 18/8/2015, kết quả niêm yết công khai 15 ngày được người dân đồng ý nhất trí, không có tranh chấp hay ý kiến trái chiều nên mặc dù quá trình xem xét hồ sơ không tiến hành xác minh thực địa, nội dung xác nhận của UBND xã còn thiếu mục đất được sử dụng ổn định từ thời gian nào...và đã phê duyệt hồ sơ là “đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Sau khi thẩm định xong toàn bộ hồ sơ, ông Lê Thanh N trình ông Hoàng Tiến A là trưởng phòng tài nguyên môi trường huyện N và tham mưu cho ông Hoàng Tiến A ký tờ trình đề nghị cấp GCNQSD đất gửi chủ tịch UBND huyện. Cũng như Lê Thanh N, Hoàng Tiến A thấy hồ sơ cơ bản đầy đủ các thông tin, biểu mẫu, chỉ thiếu một số chi tiết nhỏ nhưng do để đạt tiến độ công việc nên không yêu cầu bổ sung. Ngày 20/4/2016, ông Hoàng Tiến A trưởng phòng tài nguyên môi trường huyện N có tờ trình số 113/TTr-TNMT đề nghị UBND huyện N cấp

GCNQSD đất nông nghiệp cho các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất tại TDP 7, thị trấn X với diện tích 190.641,2m², thời hạn 50 năm.

Ngày 25/4/2016, UBND huyện N có quyết định số 840/QĐ-UBND về việc Cấp GCNQSD đất nông nghiệp cho 119/126 hộ gia đình cá nhân sử dụng đất tại TDP7, TT X, huyện N (bao gồm cả 9.333,3m² diện tích đất trước đây chưa giao), thời hạn 50 năm kèm theo danh sách của các hộ; 07/126 hộ còn lại chưa đủ giấy tờ tùy thân của chủ hộ nên chưa được đề nghị cấp giấy chứng nhận. Ngày 29/11/2016, UBND huyện N có quyết định số 3229/QĐ - UBND cấp GCNQSD đất nông nghiệp cho 07/126 hộ gia đình cá nhân còn lại của TDP 7.

Ngày 30/6/2016, UBND tỉnh Hà Tĩnh có Quyết định 1773/QĐ-UBND về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án khu đô thị mới Xuân An thuộc Thị trấn X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh (Giai đoạn 1). UBND huyện N đã thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng dự án khu đô thị mới X, đã thu hồi 115.185,9m² diện tích đất nông nghiệp tại TDP7, TT X. Tháng 12/2017 việc đền bù giải phóng mặt bằng được thực hiện xong, các hộ dân được cấp có đất đền bù đã nhận được tiền đền bù.

Tại kết luận định giá tài sản số 13/2020/HĐĐGTS ngày 05/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện N kết luận: giá trị tài sản cần định giá (gồm giá trị diện tích 5.544,8 m² đất trong 9.333,3 m² đất nông nghiệp cấp sai GCNQSD đất đã chi tiền đền bù cho dân và giá trị các khoản hỗ trợ đi kèm) là 1.047.555.000đ (*một tỷ không trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng chẵn*).

Tại kết luận định giá tài sản số 16/2020/HĐĐGTS ngày 16/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện N kết luận: Giá trị tài sản cần định giá đối với diện tích 3.788,5 m² đất nông nghiệp là 209.883.000đ (*hai trăm linh chín triệu tám trăm tám mươi ba nghìn đồng*).

Trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và trước khi mở phiên tòa các bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N tổng số tiền 1.047.555.000 đồng để khắc phục hậu quả trong đó: Bùi Duy C tự nguyện nộp 300.000.000 đồng, Lê Văn M tự nguyện nộp 317.555.000đ, Hoàng Văn Đức tự nguyện nộp 330.000.000đ đồng, Nguyễn Văn T tự nguyện nộp 100.000.000 đồng. Các bị cáo tự nguyện khắc phục hậu quả và không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc những hộ dân đã được đền bù trả lại số tiền này cho các bị cáo.

Với hành vi nêu trên, tại bản án số 02/2021/HS-ST ngày 27/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Hà Tĩnh đã Quyết định:

1. Về điều luật áp dụng:

Áp dụng khoản 3 Điều 356, điểm b, o, s, v, x khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 65, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 và mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án, ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội đối với bị cáo Bùi Duy C.

Áp dụng khoản 2 Điều 360, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 và mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án, ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Áp dụng vào khoản 2 Điều 360, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 và mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án, ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội đối với các bị cáo Lê Văn M và Hoàng Văn Đ.

2. *Về tội danh:* Tuyên bố bị cáo Bùi Duy C phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

Tuyên bố các bị cáo Lê Văn M, Hoàng Văn Đ và Nguyễn Văn T phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

3. *Về hình phạt chính:*

- Xử phạt Bùi Duy C 36 (Ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

- Xử phạt Nguyễn Văn T 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

- Xử phạt Lê Văn M 28 (Hai mươi tám) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 56 (Năm mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

- Xử phạt Hoàng Văn Đ 26 (Hai mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 52 (Năm mươi hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Án sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo của bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/01/2022, bị cáo Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 10/02/2022, bị cáo Bùi Duy C kháng cáo đề nghị giải quyết lại vụ án và tuyên bố bị cáo không phạm tội. Ngày 09/03/2022, bị cáo C có đơn xin rút kháng cáo, ngày 22/03/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh ra Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Bùi Duy C.

Ngày 10/02/2022, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn L kháng cáo với nội dung: Nhận định diện tích đất nông nghiệp 9333,3m² (trong đó

có diện tích đất của gia đình ông) là đất trước 2014 chưa được chia cho hộ gia đình, cá nhân canh tác, sử dụng nên không thuộc diện tích được cấp giấy CNQSD đất, việc thu hồi đất không thuộc diện được bồi thường là sai. Đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết lại vụ án, làm rõ chủ sử dụng đất trước và sau khi thực hiện chuyển đổi đất nông nghiệp, trên cơ sở đó giải quyết quyền và lợi ích của gia đình phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Hà Văn L giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi phân tích, đánh giá tính chất của vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Thành và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Hà Văn L, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 02/2022/HS-ST ngày 27/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Hà Tĩnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hà Văn L trình bày nội dung, căn cứ kháng cáo; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt trình bày về nguồn gốc diện tích 9.333,3m² đất nông nghiệp tại TDP7 thị trấn X, về điều kiện để được cấp Giấy CNQSD đất và việc thực hiện dự án xây dựng khu đô thị mới thị trấn X liên quan số diện tích 9.333,3m² đất nông nghiệp đã được cấp GCNQSD đất sai quy định, trong đó có 5.544,8 m² đất thuộc 78 hộ đã được đền bù GPMB để triển khai xây dựng khu đô thị mới thị trấn X với tổng số tiền đền bù giải phóng mặt bằng là 1.047.555.000đồng. Xét lời khai nhận tội của bị cáo T tại phiên tòa cơ bản phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, phù hợp với bản án sơ thẩm và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó đủ cơ sở kết luận: Diện tích đất nông nghiệp tại TDP7, thị trấn X trước năm 2014 ngoài bản đồ địa chính năm 2001 (Tại bản đồ này đối với đất nông nghiệp tại các xứ đồng đều đo tổng thể không tách thửa của từng hộ gia đình trên địa bàn) tại UBND huyện N và UBND thị trấn X đều không có hồ sơ địa chính về đất đai. Các hộ dân trên địa bàn TDP7 đều chưa có các giấy tờ về quyền sử dụng đất đối với đất nông nghiệp. Thực hiện Quyết định số 2428/QĐ-UBND ngày 08/8/2013 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về Đề án hoàn thành đo vẽ bản đồ địa chính, cấp giấy CNQSD đất và xây dựng hồ sơ địa chính địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, ngày 29/7/2014 UBND thị trấn X có Quyết định số 109/QĐ-UBND về việc Thành lập Hội đồng tư vấn đo vẽ bản đồ, lập hồ sơ địa chính, cấp GCNQSD đất thị trấn X; ngày 04/8/2014, Hội đồng tư vấn có Quyết định số 01 QĐ/HĐ về việc thành lập tiểu ban giúp việc đo đạc bản đồ địa chính phục vụ cho việc cấp GCNQSD đất tại TDP7 (gọi là tiểu ban TDP 7) gồm 11 thành viên trong đó ông Bùi Duy C là trưởng tiểu ban; tiểu ban có trách nhiệm “cùng với đơn vị tư vấn hướng dẫn nhân dân xác định vị trí mốc giới, ranh giới thửa đất và cung cấp các thông tin chủ sử

dụng đất, giải quyết các vướng mắc trong quá trình đo đạc, rà soát, xem xét các hộ gia đình đang sử dụng đất ở, đất nông nghiệp trên địa bàn tổ dân phố (chưa được cấp GCNQSD đất), phối hợp với ban địa chính thị trấn xây dựng hồ sơ tham mưu cho HĐTV thị trấn xem xét cấp GCNQSD đất cho các hộ gia đình đủ điều kiện được cấp GCNQSD đất theo quy định”. Trong quá trình thực hiện việc kê, khai, lập hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp đã chia năm 2002 – 2003, Bùi Duy C phát hiện có diện tích 9.333,3m² đất nông nghiệp tại TDP7 trước đây chưa giao được cho người dân nên đã bàn bạc và được sự đồng ý của tiểu ban giúp việc và của nhân dân trong tổ dân phố 7 đã đưa diện tích đất này vào kê khai chia đều cho các hộ dân đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mục đích nếu sau này có quy hoạch giải phóng mặt bằng thì người dân được hưởng quyền lợi đồng thời sẽ trích lại từ người dân nhận đất một phần tiền đền bù để xây dựng nhà văn hóa cho TDP. Sau đó, Bùi Duy C trực tiếp làm việc với Đơn vị tư vấn là Công ty Tài nguyên môi trường 6 để cung cấp thông tin thửa đất từng hộ (đã được ghi thêm 9.333,3m² đất nông nghiệp chưa giao) để đơn vị tư vấn tiến hành đo vẽ bản đồ hiện trạng, xây dựng hồ sơ đăng ký cấp GCNQSDĐ của từng hộ tổ dân phố để trình lên hội đồng tư vấn thị trấn X.

Tổ kiểm tra, rà soát gồm Hoàng Văn Đ, phó chủ tịch UBND, Nguyễn Văn T công chức địa chính, ông Hồ Khắc D và ông Nguyễn Hải Đ là thành viên HĐTV giao đất của UBND thị trấn X và Lê Văn M – chủ tịch UBND thị trấn X mặc dầu có phát hiện diện tích đất của các hộ dân tăng thêm. Nhưng chủ quan không làm rõ việc tăng thêm nên đã không phát hiện ra có diện tích 9.333,3m² đất nông nghiệp trước đây chưa giao cho các hộ dân, đã lập hồ sơ đề nghị UBND huyện cấp GCNQSD đất cho các hộ dân sai quy định diện tích đất nêu trên.

Ngày 25/4/2016, UBND huyện N có quyết định số 840/QĐ-UBND về việc Cấp GCNQSD đất nông nghiệp cho 119/126 hộ gia đình cá nhân sử dụng đất tại TDP7, TT X, huyện N (bao gồm cả 9.333,3m² diện tích đất trước đây chưa giao), thời hạn 50 năm kèm theo danh sách của các hộ; 07/126 hộ còn lại chưa đủ giấy tờ tùy thân của chủ hộ nên chưa được đề nghị cấp giấy chứng nhận. Ngày 29/11/2016, UBND huyện N có quyết định số 3229/QĐ - UBND cấp GCNQSD đất nông nghiệp cho 07/126 hộ gia đình cá nhân còn lại của TDP 7.

Năm 2017 thực hiện dự án xây dựng khu đô thị mới thị trấn X trong số diện tích 9.333,3 m² đất nông nghiệp đã được cấp GCNQSD đất sai quy định, có 5.544,8 m² đất thuộc 78 hộ đã được đền bù GPMB để triển khai xây dựng khu đô thị mới thị trấn X với tổng số tiền đền bù giải phóng mặt bằng là 1.047.555.000đồng.

[2] Xét nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Văn T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bị cáo Nguyễn Văn T là cán bộ địa chính chịu trách nhiệm về chuyên môn địa chính của UBND thị trấn và HĐTV, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao đã thiếu trách nhiệm, sơ sài trong việc kiểm tra, rà soát hồ sơ, số liệu dẫn đến việc không phát hiện ra một diện tích lớn đất nông nghiệp chưa được giao đã được tổ dân phố 7 tự đưa thêm vào chia. Hành vi của các bị cáo gây thiệt hại cho Nhà nước khi đền bù giải phóng mặt bằng với số tiền 1.047.555.000 đồng, nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng định khung “Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000

đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng trở lên” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 360 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, tại bản án sơ thẩm không nêu rõ áp dụng điểm c khoản 2 Điều 360 Bộ luật hình sự là thiếu cụ thể, do đó cấp phúc thẩm xét thấy cần bổ sung điểm c khoản 2 Điều 360 Bộ luật hình sự vào phần áp dụng Điều luật trong quyết định của bản án, nhằm đảm bảo tính chặt chẽ và chính xác.

Quá trình xét xử cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo; tự nguyện khắc phục hậu quả, bị cáo có bố được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tại cấp phúc thẩm bị cáo xuất trình đơn trình bày hoàn cảnh có xác nhận của UBND xã X, UBND xã C, Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện N, UBND thị trấn X về quá trình hoạt động công tác luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đồng thời các cơ quan đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Văn T.

Tuy nhiên, xét thấy bị cáo phạm tội nghiêm trọng với khung hình phạt từ 03 đến 07 năm tù, cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo 30 tháng tù (dưới mức thấp nhất của khung hình phạt) là đã cân nhắc, xem xét cho bị cáo. Do đó không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo như kháng cáo của bị cáo.

[3] Về nội dung kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Hà Văn L, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo lời trình bày của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tại hồ sơ vụ án và lời khai của những người có mặt tại phiên tòa sơ thẩm là bà Trương Thị H, bà Phan Thị M, bà Bùi Thị Ch, ông Hà Văn L, bà Lê Thị T và ông Nguyễn Hải Đ đều khẳng định đối với diện tích đất nông nghiệp được chia thêm trong số diện tích 9333,3m² từ trước đến nay họ không sản xuất trên diện tích này, không biết diện tích này ở đâu, ông Hà Văn L còn trình bày “khi được nhận mười mấy triệu thì ký chứ không biết tại sao”. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện UBND huyện N, UBND thị trấn X, bị cáo Nguyễn Văn T, bị cáo Hoàng Văn Đ, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Phạm Tiến H, Lê Thanh N đều khẳng định diện tích đất nông nghiệp 9.333,3m² nêu trên là đất trước năm 2014 chưa được chia cho hộ gia đình, cá nhân canh tác, sử dụng nên không thuộc diện được cấp giấy CNQSD đất. Tuy nhiên, Bùi Duy C với tư cách là trưởng tiểu ban giúp việc đo đạc bản đồ địa chính phục vụ cho việc cấp GCNQSD đất tại TDP7 sau khi phát hiện ra diện tích đất nông nghiệp này đã chia đều số diện tích nói trên cho người dân sản xuất nông nghiệp trên địa bàn nhằm hợp thức hóa để cấp giấy CNQSD đất với mục đích khi có tiền đền bù giải phóng mặt bằng các hộ dân sẽ trích lại một phần tiền để xây dựng nhà văn hóa là vi phạm pháp luật.

Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở để chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Hà Văn L.

[4] Về án phí: Căn cứ 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, không chấp nhận nội dung kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Hà Văn L. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 02/2022/HSST ngày 27/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Hà Tĩnh.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 360, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 và mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án, ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. *Về tội danh:* Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

2. *Về hình phạt:* Xử phạt Nguyễn Văn T 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

3. *Về án phí:* Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TA, VKS, Công an, THA sơ thẩm;
- Sở tư pháp Hà Tĩnh;
- Phòng PV 27 CA tỉnh Hà Tĩnh;
- Bị cáo;
- Người có QL&NV liên quan;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Đức Quang

